TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH QUÁN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08/5/2019
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Vũ Mạnh Cường**
Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Phạm Văn Sơn**
2. Bà Nguyễn Thị Liệu
- *Thư ký phiên tòa ghi biên bản phiên tòa:* **Bà Nguyễn Thị Huyền Trang**
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán tham gia phiên tòa:* **Ông Vũ Văn Hội – Kiểm sát viên**

Ngày 08 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 104/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2019 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:17/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: **Anh Tô Văn T** **sinh năm: 1991**
Nơi cư trú: ấp 5, xã L, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai
+ Bị đơn: **Chị Lê Thị Huyền Tr** **sinh năm: 1989**
Nơi cư trú: ấp Th, xã P, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.
(Chị Tr, anh T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***- Theo đơn khởi kiện ngày 13/3/2019, biên bản lấy lời khai ngày 18/3/2019 nguyên đơn anh Tô Văn T trình bày*:**

Anh Tô Văn T và chị Lê Thị Huyền Tr tự nguyện quen biết chung sống với nhau từ năm 2012, đến năm 2014 hai bên đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 01/3/2014. Vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nên hay xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành, nay tình cảm vợ chồng không còn, anh T xin ly hôn với chị Tr.

Về con chung: Anh T và chị Tr có hai con chung là Tô Kim Ng, sinh ngày: 04/02/2013 và Tô Quốc N, sinh ngày: 17/7/2015. Khi ly hôn, anh T đồng ý để chị Tr được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và anh T không cấp dưỡng nuôi con cùng chị Tr.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 06/5/2019 anh T có đơn yêu cầu Tòa án cho anh vắng mặt trong các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử vì anh T bị té xe chân bị gãy đi lại khó khăn.

Ngoài ra, anh T không trình bày gì thêm và cũng không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì.

- Theo biên bản lấy lời khai ngày 22/2/2019 bị đơn chị Lê Thị Huyền Tr trình bày:

Chị Tr và anh Tô Văn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2012 đến năm 2014 hai bên đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 01/3/2014. Vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên hay xảy ra cãi nhau. Khoảng ba năm nay, chị Tr và anh T đã không còn sống chung với nhau, không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng. Nay tình cảm vợ chồng không còn, anh T xin ly hôn thì chị Tr đồng ý.

Về con chung: Anh T và chị Tr có hai con chung là Tô Kim Ng, sinh ngày: 04/02/2013 và Tô Quốc N, sinh ngày: 17/7/2015. Khi ly hôn, chị Tr yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Tr và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện nay chị Tr đi làm ở Hà Nội không có điều kiện đi lại nên chị Tr xin vắng mặt trong các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử theo đơn xin vắng mặt đề ngày 22/3/2019.

Ngoài ra, chị Tr không trình bày gì thêm và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

+ Về quan hệ tố tụng:

[1] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn anh Tâm Văn T và bị đơn chị Lê Thị Huyền Tr có đơn xin xét xử vắng mặt (BL 36, 44) căn cứ vào các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt chị Tr và anh T.

[2] Về quan hệ pháp luật: Anh Tô Văn T khởi kiện yêu cầu ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn chị Lê Thị Huyền Tr hiện đang cư trú tại ấp T, xã P, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán theo quy định tại Điều 28, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về xác định tư cách đương sự: Căn cứ Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định anh Tô Văn T là nguyên đơn, chị Lê Thị Huyền Tr là bị đơn.

[5] Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, án phí và quyền kháng cáo nên áp dụng các Điều 28, 35, 39, 68, 147, 227, 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, 10, 11 và 12 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[6] Về đường lối giải quyết vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa anh Tô Văn T và chị Lê Thị Huyền Tr khi kết hôn trên cơ sở tự nguyện không vi phạm các điều kiện kết hôn theo luật định, được Ủy ban nhân dân xã P, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 01/3/2014 (BL 12) theo quy định tại Điều 9, 10, 11 và 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo hộ.

Trong cuộc sống hôn nhân chị Tr và anh T cùng thừa nhận giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau, giữa vợ chồng không còn sống chung, không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng nên anh T yêu cầu ly hôn thì chị Tr đồng ý (BL 01, 23, 35). Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Tr và anh T tình trạng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được anh T có yêu cầu ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

Về con chung:

Chị Tr và anh T có hai con chung là Tô Quốc N, sinh ngày: 17/7/2015 và Tô Kim Ng, sinh ngày: 04/02/2013. Xét yêu cầu được nuôi con của chị Tr là có căn cứ, bởi lẽ, từ thời gian vợ chồng không còn sống chung đến nay thì hai con sống với chị Tr. Ngoài ra, anh T cũng đồng ý để chị Tr được tiếp tục nuôi dưỡng hai con khi vợ chồng ly hôn (BL 23). Từ những nhận định trên, căn cứ các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân gia đình 2014 cần chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị Tr.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giải thích quy định của pháp luật về quyền được yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và nghĩa vụ của người không nuôi con phải cấp dưỡng nuôi con trong trường hợp giao con cho chị Tr được nuôi dưỡng nhưng chị Tr xác định đủ điều kiện kinh tế để nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu của chị Tr là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

***Về tài sản*:** Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Anh T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 0002079 ngày 15/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán.

[8] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4, Điều 68; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, 10, 11 và 12 Luật hôn nhân gia đình năm 2000;

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tô Văn T về việc "Ly hôn" với chị Lê Thị Huyền Tr. Xử cho anh Tô Văn T và chị Lê Thị Huyền Tr ly hôn

Về con chung: Giao cho chị Lê Thị Huyền Tr được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng hai con chung là Tô Kim Ng, sinh ngày: 04/03/2013 và Tô Quốc N, sinh ngày: 17/7/2015.

Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Tô Văn T do chị Tr không yêu cầu.

Khi ly hôn, pháp luật vẫn bảo hộ mọi quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con chung (quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; quyền thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con …).

Về tài sản: Đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Tô Văn T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 0002079 ngày 15/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai. Anh T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh;*
- *VKSND tỉnh;*
- *VKSND HĐQ;*
- *THADS HĐQ;*
- *UBND xã P;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Mạnh Cường